



Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán A+

22 Trần Kim Xuyên, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: +84 24 320 68568 | Website: aplus.org.vn | Fax: +84 24 320 68569

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 (năm) ngày 15/03/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 15/03/2023 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NO.4 INLAND WATERWAY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: INWAMA-NO4

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch	
	Ông Nguyễn Phi Trường	Thành viên	
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên	
	Ông Phạm Văn Hanh	Thành viên	Miễn nhiệm 22/04/2022
	Ông Nguyễn Văn Tặng	Thành viên	
	Ông Trần Văn Ôn	Thành viên	Bổ nhiệm 22/04/2022
	Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên	Bổ nhiệm 22/04/2022
Ban Giám đốc	Ông Trịnh Đình Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm 22/04/2022
	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc	
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm 22/04/2022
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc	
	Ông Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán A+.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Hồng Minh
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Số: 10/2023/BCKT-BCTC/A+

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam lập ngày 30/03/2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đỗ Tuấn Thành

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số:

4321-2021-325-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN A+

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Đinh Văn Thắng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số:

1147-2021-325-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.602.922.904	55.450.620.643
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.029.586.713	8.426.645.434
1. Tiền	111		5.029.586.713	8.426.645.434
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.754.043.545	41.117.364.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.089.061.387	23.473.893.184
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	742.428.163	298.217.860
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	1.500.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	27.422.553.995	17.345.253.792
IV. Hàng tồn kho	140		9.377.841.540	5.817.619.540
1. Hàng tồn kho	141	5.6	9.377.841.540	5.817.619.540
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		441.451.106	88.990.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	441.451.106	88.990.833
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.269.599.012	9.189.823.094
II. Tài sản cố định	220		7.393.294.095	8.572.166.589
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	7.393.294.095	8.572.166.589
- Nguyên giá	222		32.594.513.896	32.257.806.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.201.219.801)	(23.685.639.428)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		876.304.917	617.656.505
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	876.304.917	617.656.505
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		84.872.521.916	64.640.443.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		70.680.540.310	50.539.584.111
I. Nợ ngắn hạn	310		70.680.540.310	50.394.453.917
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.665.641.742	4.812.572.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	9.528.307.909	1.763.107.919
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.341.471.033	3.226.567.632
4. Phải trả người lao động	314		337.156.147	4.542.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	354.829.090	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	24.038.484.314	19.641.833.549
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	31.164.231.180	20.897.133.152
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		250.418.895	48.696.763
II. Nợ dài hạn	330		-	145.130.194
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	-	145.130.194
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.191.981.606	14.100.859.626
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	14.191.981.606	14.100.859.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		778.000.000	678.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.696.981.606	1.705.859.626
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.696.981.606	1.705.859.626
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.872.521.916	64.640.443.737
(440 = 300+400)				

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	106.199.259.406	117.589.708.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		106.199.259.406	117.589.708.287
4. Giá vốn hàng bán	11		89.143.190.208	103.973.621.123
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.056.069.198	13.616.087.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	5.063.261	3.940.648
7. Chi phí tài chính	22	5.18	2.414.299.607	1.923.291.480
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.414.299.607</i>	<i>1.923.291.480</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.19	3.150.098.328	3.949.438.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	9.024.143.311	5.546.251.658
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.472.591.213	2.201.045.772
11. Thu nhập khác	31	5.20	-	111.531.628
12. Chi phí khác	32	5.20	281.091.364	151.114.503
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(281.091.364)	(39.582.875)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.191.499.849	2.161.462.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	494.518.243	355.603.271
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.696.981.606	1.805.859.626
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	1.462,92	986,21

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2023
 Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.191.499.849	2.161.462.897
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.515.580.373	1.651.700.973
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.063.261)	(113.395.194)
- Chi phí lãi vay	06		2.414.299.607	1.923.291.480
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.116.316.568	5.623.060.156
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.989.138.982)	(1.899.638.219)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.560.222.000)	(711.676.240)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.378.351.261	4.931.696.841
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(258.648.412)	206.897.427
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.414.299.607)	(1.923.291.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(55.603.271)	(724.537.444)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(360.137.494)	(517.123.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.143.381.937)	4.985.387.321
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(336.707.879)	(291.069.164)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	109.454.546
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.063.261	3.940.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(331.644.618)	(177.673.970)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		66.791.675.149	47.298.776.625
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.669.707.315)	(44.895.788.039)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.044.000.000)	(1.015.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.077.967.834	1.387.988.586
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.397.058.721)	6.195.701.937
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.426.645.434	2.230.943.497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	5.029.586.713	8.426.645.434

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2023
Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường




Phạm Hồng Minh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 (năm) ngày 15/03/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 15/03/2023 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NO.4 INLAND WATERWAY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: INWAMA-NO4

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông.
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có Chi nhánh trực thuộc:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 401	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 402	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 403	Thôn Đạo Ngạn, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Đầu tư – Xây dựng	Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Xây dựng công trình
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Xăng Dầu	Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-50 năm	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	03-07 năm	03-07 năm
Phương tiện vận tải	07-15 năm	07-15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm	05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Mức ưu đãi thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 20%.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	316.790.305	445.102.415
Tiền gửi ngân hàng	4.712.796.408	7.981.543.019
Cộng	5.029.586.713	8.426.645.434

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	32.089.061.387	23.473.893.184
Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam	13.082.871.300	9.407.253.316
Công ty Cổ phần Vận tải Á Đông	5.374.430.978	640.482.191
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Phát	2.322.038.677	1.006.054.657
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh	1.977.973.000	1.977.973.000
Phòng Quản lý Đô thị thành phố Từ Sơn	2.616.375.387	3.469.982.387
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.715.372.045	6.972.147.633
b. Dài hạn	-	-
Cộng	32.089.061.387	23.473.893.184

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	742.428.163	298.217.860
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại 568	80.000.000	80.000.000
Khách sạn Mường Thanh - Nghệ An	-	50.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ số Ánh Dương	-	135.000.000
Công ty TNHH MTV Hải Linh Bắc Ninh	280.603.862	12.750.558
Công ty TNHH Du lịch tàu thuyền Minh Trí	214.000.000	-
Trả trước đối tượng khác	167.824.301	20.467.302
b. Dài hạn	-	-
Cộng	742.428.163	298.217.860

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.500.000.000	-
Trình Đình Sớm	1.000.000.000	-
Nguyễn Tiến Huy	500.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.500.000.000	-

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a. Ngắn hạn	27.422.553.995	-	17.345.253.792	-
- Tạm ứng	2.445.092.274	-	2.933.404.543	-
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.175.796.418	-	371.317.777	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	21.868.931.570	-	13.107.797.739	-
- Phải thu khác gồm:	932.733.733	-	932.733.733	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	27.422.553.995	-	17.345.253.792	-

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX KDDD	6.414.377.665	-	4.899.185.055	-
Hàng hóa	2.963.463.875	-	918.434.485	-
Cộng	9.377.841.540	-	5.817.619.540	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	I hiet bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	10.490.578.353	1.054.901.870	20.666.325.794	46.000.000	32.257.806.017
Tăng trong năm	-	-	336.707.879	-	336.707.879
Mua trong năm	-	-	336.707.879	-	336.707.879
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	10.490.578.353	1.054.901.870	21.003.033.673	46.000.000	32.594.513.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	5.625.186.015	742.457.794	17.271.995.619	46.000.000	23.685.639.428
Tăng trong năm	704.686.080	73.323.648	737.570.645	-	1.515.580.373
Khấu hao trong năm	704.686.080	73.323.648	737.570.645	-	1.515.580.373
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	6.329.872.095	815.781.442	18.009.566.264	46.000.000	25.201.219.801
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	4.865.392.338	312.444.076	3.394.330.175	-	8.572.166.589
Tại 31/12/2022	4.160.706.258	239.120.428	2.993.467.409	-	7.393.294.095

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	876.304.917	617.656.505
Chi phí công cụ, dụng cụ	216.586.727	193.438.274
Chi phí đào tạo, chi phí sửa chữa	659.718.190	424.218.231
Cộng	876.304.917	617.656.505

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.665.641.742	3.665.641.742	4.812.572.402	4.812.572.402
Công ty Xăng dầu Khu vực 1- CN Bắc Ninh	-	-	879.987.545	879.987.545
Công ty CP Đảm bảo An toàn Đường thủy Mạnh Hưng	553.486.000	553.486.000	434.492.000	434.492.000
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	367.550.000	367.550.000	375.639.400	375.639.400
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đại Tâm	968.740.720	968.740.720	968.740.720	968.740.720
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Kinh Bắc	967.750.569	967.750.569	862.697.769	862.697.769
Công ty TNHH TM và DV Trung Điền	351.494.000	351.494.000	351.494.000	351.494.000
Phải trả đối tượng khác	456.620.453	456.620.453	939.520.968	939.520.968
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.665.641.742	3.665.641.742	4.812.572.402	4.812.572.402

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	9.528.307.909	1.763.107.919
BQLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông, Nông nghiệp Bắc Giang	7.540.000.000	500.000.000
BQLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Bắc Giang	650.000.000	-
Đối tượng khác	1.338.307.909	1.263.107.919
Dài hạn	-	-
Cộng	9.528.307.909	1.763.107.919

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	3.226.567.632	2.969.003.616	4.854.100.215	1.341.471.033
Thuế giá trị gia tăng	3.170.964.361	2.256.527.874	4.580.539.445	846.952.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.603.271	494.518.243	55.603.271	494.518.243
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.405.480	67.405.480	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	136.552.019	136.552.019	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	14.000.000	14.000.000	-
Phải thu	88.990.833	-	352.460.273	441.451.106
Thuế thu nhập cá nhân	88.990.833	-	352.460.273	441.451.106

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	354.829.090	-
Chi phí sửa chữa tài sản	245.454.545	-
Chi phí thuê tài sản	109.374.545	-
Dài hạn	-	-
Cộng	354.829.090	-

5.13 Các khoản phải trả phải nộp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	24.038.484.314	19.641.833.549
Bảo hiểm xã hội	378.111.070	458.040.481
Bảo hiểm y tế	1.000.800	449.562.479
Bảo hiểm thất nghiệp	222.400	160.468.585
Phải trả, phải nộp khác	23.659.150.044	18.573.762.004
<i>Phải trả các xí nghiệp, các trạm</i>	<i>23.649.386.044</i>	<i>12.763.998.004</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>9.764.000</i>	<i>5.809.764.000</i>
Dài hạn	-	-
Cộng	24.038.484.314	19.641.833.549

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 Vay và Nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Giá trị
a. Vay ngắn hạn	31.164.231.180	31.164.231.180	66.936.805.343	56.669.707.315	20.897.133.152	20.897.133.152
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh (1)	2.147.000.000	2.147.000.000	8.693.000.000	8.694.000.000	2.148.000.000	2.148.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Ninh (2)	6.741.796.891	6.741.796.891	9.579.313.173	5.724.477.835	2.886.961.553	2.886.961.553
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh (3)	13.104.248.962	13.104.248.962	32.059.382.041	29.931.898.828	10.976.765.749	10.976.765.749
Vay cá nhân (4)	9.026.038.255	9.026.038.255	16.459.979.935	12.160.970.000	4.727.028.320	4.727.028.320
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh (5)	145.147.072	145.147.072	145.130.194	158.360.652	158.377.530	158.377.530
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	-	-	-	145.130.194	145.130.194	145.130.194
Tổng	31.164.231.180	31.164.231.180	66.936.805.343	56.814.837.509	21.042.263.346	21.042.263.346

(1) Hợp đồng hạn mức số 856/2021/HĐHM-9235 ngày 29/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP Quốc dân - chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP quản lý đường sông số 4. Hạn mức : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh.

(2) Hợp đồng tín dụng số 2602LAV202201955 ngày 31/10/2022 giữa Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh TP Bắc Ninh và Công ty CP quản lý đường sông số 4. Hạn mức tín dụng: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng). Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Lãi suất: 8%/năm và lãi điều chỉnh định kỳ 1 quý/lần. Tài sản đảm bảo: TS1: QSD đất theo HĐ thế chấp QSD số 2602LCL202001662 ngày 16/2/2020, Giá trị đảm bảo: 4.050.000.000 đồng. TS2: QSD đất theo HĐ thế chấp QSD đất số 2602LCL202001661 ngày 16/12/2020, Giá trị đảm bảo: 2.700.000.000 đồng. TS3: Phao đầu số BN-1704 thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2602LCL202001660 ngày 16/12/2020, Giá trị đảm bảo: 466.000.000 đồng, TS4: QSD đất thừa đất số 4, tờ bản đồ số 18, Địa chỉ: Xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, Diện tích: 286,4 m² theo Giấy chứng nhận QSD đất sở hữu nhà ở và tài sản khác số DI421429, số vào sổ cấp GCN: CS10043 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/10/2022, Giá trị đảm bảo: 2.291.200.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

(3) Hợp đồng số BNH/22188 ngày 29/11/2022 giữa Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Bắc Ninh và Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 4. Hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, Lãi suất được quy định cụ thể theo từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thẻ chấu bằng toàn hệ Tài sản gắn liền với đất và lợi thế quyền sử dụng cơ sở hạ tầng gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, Địa chỉ: Phường Đại phúc, TP Bắc Ninh và thửa đất số 107, tờ bản đồ số 77, Địa chỉ: Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 188834, Số vào sổ cấp GCN: CT08273 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 07/10/2015.

(4) Các hợp đồng vay cá nhân là hợp đồng không thời hạn, lãi vay 12%/năm. Trả lãi hàng quý. Mục đích: bổ sung vốn lưu động.

(5) Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/BN/2018/CA-0539 ngày 08/11/2018 với mục đích sử dụng: mua ô tô mới. Giá trị tổng hạn mức tín dụng là 805 triệu đồng, phương thức cho vay: cho vay theo từng lần, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng. Lãi suất vay được thỏa thuận phù hợp giữa các bên theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Tài sản đảm bảo là xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, số khung: MHFJX3GS6J0581034, số máy A5200032TR, biển số: 99A-256.85 trị giá một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	11.600.000.000	117.000.000	598.000.000	1.244.385.119	13.559.385.119
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.805.859.626	1.805.859.626
Chi trả cổ tức (năm 2020)	-	-	-	(1.015.000.000)	(1.015.000.000)
Phân phối lợi nhuận (năm 2020)	-	-	80.000.000	(229.385.119)	(149.385.119)
Tạm phân phối lợi nhuận 2021	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	11.600.000.000	117.000.000	678.000.000	1.705.859.626	14.100.859.626
Số dư tại 01/01/2022	11.600.000.000	117.000.000	678.000.000	1.705.859.626	14.100.859.626
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.696.981.606	1.696.981.606
Phân phối lợi nhuận	-	-	100.000.000	(661.859.626)	(561.859.626)
Chia cổ tức (năm 2021)	-	-	-	(1.044.000.000)	(1.044.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	11.600.000.000	117.000.000	778.000.000	1.696.981.606	14.191.981.606

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC)	-	5.916.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.600.000.000	5.684.000.000
Cộng	11.600.000.000	11.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.044.000.000	1.015.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.160.000	1.160.000
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.160.000	1.160.000
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	61.898.553.837	59.993.942.425
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	44.300.705.569	57.595.765.862
Cộng	106.199.259.406	117.589.708.287

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	59.003.157.839	55.468.102.093
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	30.140.032.369	48.505.519.030
Cộng	89.143.190.208	103.973.621.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.063.261	3.940.648
Cộng	5.063.261	3.940.648

5.19 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	2.414.299.607	1.923.291.480
Tổng	2.414.299.607	1.923.291.480

5.20 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a. Chi phí bán hàng	3.150.098.328	3.949.438.902
Chi phí nhân viên	1.099.193.446	1.956.675.451
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	456.517.923	474.462.679
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	11.121.850	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	531.139.692	521.601.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.787.049	1.899.089
Chi phí bằng tiền khác	944.338.368	994.799.890
b. Chi phí quản lý	9.024.143.311	5.546.251.658
Chi phí nhân viên quản lý	5.250.942.690	2.282.676.052
Chi phí vật liệu quản lý	186.671.819	371.786.105
Chi phí đồ dùng văn phòng	217.963.595	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	548.750.042	622.249.828
Thuế phí và lệ phí	150.552.019	518.836.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.897.874	115.560.412
Chi phí bằng tiền khác	2.544.365.272	1.635.143.027
Cộng	12.174.241.639	9.495.690.560

5.21 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a. Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	-	109.454.546
Thu nhập khác	-	2.077.082
Cộng	-	111.531.628
b. Chi phí khác		
Giảm trừ kinh phí cứu nạn	160.056.149	-
Các khoản phạt, truy thu	121.035.215	148.560.467
Chi phí khác	-	2.554.036
Cộng	281.091.364	151.114.503
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(281.091.364)	(39.582.875)

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.191.499.849	2.161.462.897
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	-	-
Chi phí không hợp lệ	281.091.364	378.560.467
Thu nhập chịu thuế	2.472.591.213	2.540.023.364
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	494.518.243	355.603.271
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	494.518.243	508.004.673
Giảm theo Nghị Định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	-	(152.401.402)
Thuế thu nhập hoãn lại		-
Cộng	494.518.243	355.603.271

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.705.005.254	1.805.859.626
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	-	661.859.626
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.705.005.254	1.144.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.469,83	986,21

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư và giao dịch các bên liên quan

Giao dịch các bên liên quan

	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị</i>			
Phạm Hồng Minh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Phi Trường	Thành viên	6.000.000	18.000.000
Phạm Văn Hanh	Thành viên	6.000.000	18.000.000
Nguyễn Văn Tặng	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Trần Văn Ôn	Thành viên	12.000.000	-
Vũ Xuân Trường	Thành viên	12.000.000	-
Trịnh Đình Kiêm	Thành viên	12.000.000	-
<i>Thù lao thành viên Ban kiểm soát</i>			
Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	6.000.000	18.000.000
Trần Thị Thoan	Thành viên	4.000.000	12.000.000
Lê Cao Khánh	Thành viên	4.000.000	12.000.000
Phạm Văn Hanh	Trưởng ban	12.000.000	-
Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	8.000.000	-
<i>Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>			
Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	361.661.000	329.040.000
Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	345.713.500	234.333.333
Nguyễn Phi Trường	Thành viên HĐQT	264.956.000	387.192.939
Phạm Văn Hanh	Thành viên HĐQT	249.508.500	302.520.000
Nguyễn Văn Tặng	Thành viên HĐQT	249.508.500	233.880.000
Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc	267.058.500	264.785.333
Trịnh Đình Kiêm	Phó Giám đốc	267.058.500	226.435.000

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu



Chu Thị Thập

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Trường

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Phạm Hồng Minh